

Số: 147/2026/QĐST-HNGĐ

Sơn La, ngày 04 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 180/2026/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 04 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị H, sinh ngày: 30/9/1992.

Địa chỉ: TDP T, phường T, tỉnh Sơn La.

Số căn cước công dân: 014192010958 cấp ngày 27/06/2021.

- Bị đơn: Anh Lê Công D, sinh ngày: 24/12/1992.

Địa chỉ: TDP T, phường V, tỉnh Sơn La.

Số căn cước công dân: 034092001114 cấp ngày: 07/04/2021.

Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 04 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 04 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị H và anh Lê Công D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao cháu Lê Phương A, sinh ngày 15/09/2020 cho chị Đỗ Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, cho đến khi cháu Lê Phương A trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Thời gian nuôi con tính từ ngày 23/04/2026

Anh Lê Công D có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu Lê Phương A, cùng chị Đỗ Thị H số tiền là 2.000.000 đồng/tháng, kể từ ngày 04/5/2026 cho đến khi cháu Lê Phương A trưởng thành đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày Bản án. Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về vay nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xét xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị Đỗ Thị H tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000388 ngày 01 tháng 4 năm 2026 của phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 – Sơn La. Hoàn trả lại cho chị Đỗ Thị H số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*) tại phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 – Sơn La.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền: thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 6 – Sơn La;
- Phòng THADS khu vực 6 - Sơn La;
- UBND phường Thảo Nguyên, tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

THẨM PHÁN

Đỗ Như Khánh